TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 645/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 11 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung;

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 502/2019/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh năm 1979. (Có mặt).
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. (Vắng mặt).

Cùng trú tại tổ 13, ấp Vĩnh Ph, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ Th trình bày: Chị và anh T tự tìm hiểu và chung sống từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CD năm 2002. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, thường hay gây chuyện cáo gắt với vợ con, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, tháng 6/2019 chị đã nộp đơn xin ly hôn nhưng anh T

năn nỉ hứa sẽ sửa đổi lo làm ăn lo cho gia đình nên chị đã tha thứ và rút đơn. Sau đó trở về chung sống nhưng anh T không thay đổi mà còn tệ hơn trước, đến tháng 8/2019 anh T tuyên bố bỏ nhà ra đi và anh bỏ đi đến nay. Anh T không có trách nhiệm với vợ con, nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa nên chị Th yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 09/5/2002, đang ở với chị Th, ly hôn tiếp tục nuôi con chung, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị Th giữ y yêu cầu ly hôn, yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Th cho rằng chị và anh T không còn tình cảm, đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Th yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 09/5/2002, sau khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung, theo nguyện vọng của cháu T1 muốn ở với mẹ và theo yêu cầu của chị Th nên đề nghị giao cháu T1 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn CD, huyện CP. Chị Th khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn anh T được Tòa án nhân dân huyện CP tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Th và anh T chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CD năm 2001 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn anh chị có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau chị Th và anh T xảy ra mâu thuẫn, cải vả nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, anh T không còn quan tâm đến vợ con, tự ý bỏ nhà ra đi, đã ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Th xin ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Th kiên quyết xin ly hôn với anh T. Tòa án đã triệu tập anh T để tiến hành hòa giải nhưng anh T không đến tham dự. Hội đồng xét xử xét thấy anh T không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

- Về con chung: Chị Th và anh T chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 09/5/2002, đang ở với chị Th, ly hôn chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu T1 do chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung, theo nguyện vọng của cháu T1 muốn ở với chị Th và theo yêu cầu của chị Th muốn tiếp tục nuôi cháu T1. Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 09/5/2002 cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; quyền nuôi con là không cố định. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ Th.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/2002 ngày 29/10/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn CD không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 09/5/2002 cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Th cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005336 ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND h. CP;
- UBND TT CD;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Mỹ